



hán shè
寒舍

noun (polite form) · my humble home

Example Sentences

Huān yíng lái hán shè zuò kè.
欢迎来寒舍做客。

Welcome to my humble home as a guest.

Hán shè suī rán jiǎn lòu dàn hěn wēn xīn
寒舍虽然简陋，但很温馨。

My humble home is simple but very cozy.

Jīn wǎn jiù zài hán shè yòng fàn ba bié kè qì
今晚就在寒舍用饭吧，别客气。

Please have dinner at my humble home tonight; don't be polite.

Trace each character, then write the word on your own.

寒	寒	寒	寒	寒	寒	寒	寒	寒	寒	寒
寒	寒	寒	寒							
舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍